

PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH THAM GIA LIÊN KẾT HỢP TÁC XÃ TRONG SẢN XUẤT MĂNG TÂY CỦA ĐỒNG BÀO CHĂM TẠI HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN

● NGUYỄN NHƯ ĐẠT* - TRẦN THỊ THỦY
- PHẠM TRẦN HOÀNG YẾN - NGUYỄN VĂN CƯỜNG

TÓM TẮT:

Bài nghiên cứu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia liên kết hợp tác xã (HTX) trong sản xuất măng tây của đồng bào Chăm, tại huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Phương pháp hồi quy Binary Logistic được sử dụng để phân tích quyết định tham gia liên kết. Kết quả nghiên cứu cho thấy biến giới tính, diện tích sản xuất, tỷ trọng thu nhập từ sản xuất măng tây, nhận thức về lợi ích gia tăng sản lượng tiêu thụ, giá bán và giảm chi phí sản xuất có tác động tích cực đến quyết định tham gia liên kết HTX. Tuy nhiên, nhận định thành kiến về liên kết HTX có tác động tiêu cực đến quyết định tham gia liên kết.

Từ khóa: măng tây, dân tộc Chăm, liên kết, hợp tác xã, Binary logit.

1. Đặt vấn đề

Nông nghiệp đóng vai trò quan trọng và đã có sự đóng góp đáng kể vào việc phát triển kinh tế trong nền kinh tế của Việt Nam đất nước. Bên cạnh các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của Việt Nam thì sự phát triển của các loại rau xanh cũng đang diễn ra rất mạnh mẽ, đa dạng nhiều chủng loại. Ninh Thuận là tỉnh có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng khắc nghiệt nhưng lại phù hợp với cây măng tây, một loại rau chịu hạn tốt, thời gian đầu tư ngắn. Tính đến tháng 11/2022, diện tích trồng măng tây của Ninh Thuận đạt 426 ha [4]. Tại huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận là nơi tập trung chính yếu cho sản xuất măng tây, đồng thời cây măng tây

đang là đối tượng cây trồng có tính đột phá, nâng cao hiệu quả kinh tế, cải thiện thu nhập cho bà con đồng bào Chăm trên địa bàn.

Mặc dù sản xuất măng tây đem lại giá trị kinh tế cho các hộ đồng bào Chăm tại đây, nhưng đa số các hộ sản xuất măng tây trên địa bàn đa số bán sản phẩm tươi, tiêu thụ sản phẩm chưa có tính đồng bộ, vẫn bị lái buôn ép giá [2]. Việc tham gia HTX là một vấn đề cấp thiết giúp nông hộ chia sẻ rủi ro trong quá trình sản xuất. Tuy nhiên, hiện nay vẫn có một số hộ không tham gia liên kết với HTX. Vậy đâu là nguyên nhân tác động đến hộ đồng bào Chăm tham gia vào liên kết, hiệu quả trong việc tham gia liên kết cao hơn hay thấp hơn những hộ

đồng bào Chăm không tham gia liên kết. Từ đó, giúp định hướng trong việc tham gia liên kết HTX cho các hộ đồng bào Chăm tại đây.

Nghiên cứu về tham gia liên kết thì đa phần là nghiên cứu về quyết định tham gia sản xuất, ký kết hợp đồng, tác động của việc tham gia liên kết. Nông hộ tham gia dự án về sản xuất măng tây mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn [2]. Các yếu tố diện tích, khuyến nông và niềm tin với đối tác thu mua có ảnh hưởng tích cực đến quyết định tham gia hợp đồng liên kết, nông hộ có triển vọng tích cực tham gia hợp đồng liên kết nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện sinh kế [3]. Để tăng khả năng tham gia liên kết trong sản xuất thì việc đảm bảo được thị trường đầu ra cho sản phẩm cùng với tăng cường nhiều lớp tập huấn là rất quan trọng [1].

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Nguồn dữ liệu

Dữ liệu được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp các nông hộ đồng bào Chăm sản xuất măng tây tại huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Với 9 biến độc lập được đưa vào mô hình hồi quy Binary Logistic thì cỡ mẫu tối thiểu cần thiết là 122 mẫu [5]. Từ đó, nghiên cứu tiến hành khảo sát trực tiếp 122 hộ sản xuất măng tây tại xã An Hải và Phước Hải. Trong đó, tại Xã An Hải khảo sát 62 hộ với 31 hộ tham gia liên kết HTX và 31 hộ không tham gia liên kết HTX. Tại xã Phước Hải sẽ khảo sát 60 hộ với 30 hộ tham gia liên kết HTX và 30 hộ không tham gia liên kết HTX.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Mô hình hồi quy Binary Logistic nhằm xem xét tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia liên kết HTX trong sản xuất măng tây của đồng bào Chăm trên địa bàn. Phương trình hồi quy Binary Logistic được thể hiện, như sau:

$$\ln \frac{Y(P=1)}{Y(P=0)} = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \beta_6 X_6 + \beta_7 X_7 + \beta_8 X_8 + \beta_9 X_9$$

Trong đó, Y là biến phụ thuộc, biến nhị phân chỉ nhận 1 trong 2 giá trị. Y là 1 nếu nông hộ quyết định tham gia liên kết và Y là 0 nếu nông hộ quyết định không tham gia liên kết. X_i là biến độc lập trong mô hình, gồm 9 biến ứng với 9 yếu tố ảnh

hưởng đến quyết định tham gia liên kết HTX của nông hộ: 1) Tuổi; 2) Giới tính; 3) Kinh nghiệm sản xuất; 4) Quy mô sản xuất; 5) Tỷ lệ thu nhập từ sản xuất măng tây; 6) Nhận định về gia tăng sản lượng tiêu thụ khi liên kết; 7) Nhận định về giá bán ổn định khi liên kết; 8) Nhận định về giảm chi phí sản xuất khi liên kết; 9) Thành kiến của hộ về việc tham gia HTX.

Công thức tính xác suất chuyển đổi khi các yếu tố thay đổi.

$$P_i = \frac{P_0 \times e^{B_i}}{1 - P_0 \times (1 - e^{B_i})}$$

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng sản xuất măng tây tại huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận

Kết quả thu thập cho thấy quy mô canh tác măng tây của đồng bào Chăm trên địa bàn đa số dưới 3.000m², diện tích canh tác măng tây trung bình ở nhóm hộ liên kết là 3.420m², còn ở nhóm hộ không liên kết là 2.399m². Tiêu chuẩn sản xuất măng tây ở 2 nhóm hộ có sự chênh lệch lớn. Đối với nhóm hộ tham gia liên kết thì phần lớn đều tham gia sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap với 86,9% và hữu cơ chiếm 6,6%. Trong khi đó, ở nhóm hộ không tham gia liên kết thì tỷ lệ hộ tham gia sản xuất theo các tiêu chuẩn chỉ chiếm tỷ lệ 3,3%. Nguồn thu nhập của đồng bào Chăm từ sản xuất măng tây là chính yếu. Tỷ trọng thu nhập từ sản xuất măng tây trong tổng thu nhập từ 75% trở lên ở nhóm hộ liên kết chiếm 68,9%, còn ở nhóm hộ không liên kết là 57,7%.

Kết quả sản xuất măng tây giai đoạn kinh doanh bình quân trên 1000m² trong một năm của 2 nhóm hộ cũng có sự chênh lệch đáng kể. Chi phí sản xuất măng tây bình quân trên 1000m² ở nhóm liên kết thấp hơn so với nhóm không liên kết. Tổng chi phí sản xuất ở nhóm hộ liên kết là 27.264.000 đồng và nhóm không liên kết là 28.770.000 đồng. Năng suất trên trung bình ở nhóm liên kết là 2.084 kg thấp hơn so với nhóm không liên kết là 2334 kg. Tuy nhiên, giá bán lại ngược lại, với nhóm liên kết thì giá bán bình quân là 45.738 đồng/kg, còn ở nhóm không liên kết chỉ 37.230 đồng/kg. Điều này dẫn đến doanh thu, lợi nhuận, thu nhập ở nhóm liên kết cao hơn so với

nhóm không liên kết. Với doanh thu ở 2 nhóm hộ lần lượt là 95.332.000 đồng và 86.909.000 đồng. Sau khi trừ khoản chi phí thu được lợi nhuận ở nhóm hộ liên kết là 68.068.000 đồng, nhóm hộ không liên kết lợi nhuận đạt được là 58.139.000 đồng. Thu nhập của nhóm hộ liên kết cao hơn nhóm hộ không liên kết là 9.137.000 đồng, từ đó cho thấy thu nhập bình quân 1 tháng của hộ không tham gia liên kết chỉ có 6.359.000 đồng, còn nhóm hộ liên kết thu nhập mỗi tháng là 7.121.000 đồng (cao hơn nhóm hộ không liên kết 761.000 đồng).

3.2. Phân tích nhận thức của đồng bào Chăm về liên kết trong sản xuất măng tây

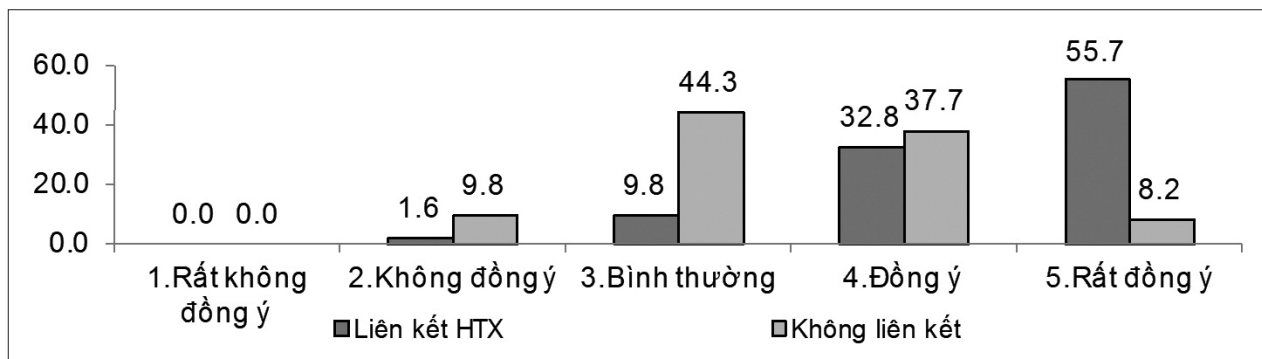
Nhận định về việc tham gia HTX giúp giá bán được ổn định thì ở nhóm hộ đã tham gia HTX có tỷ lệ rất đồng ý chiếm đến 55,7% và đồng ý là 32,8%. Ở nhóm hộ chưa tham gia HTX, có tỷ lệ đồng ý chiếm 37,7% trong khi đó có đến 44,3% hộ cảm thấy bình thường. Qua đó thấy được nhóm hộ chưa

tham gia liên kết không đánh giá cao nhận định này. (Hình 1)

Đối với nhận định tham gia liên kết sẽ giúp giảm chi phí sản xuất, có 50,8% nhóm hộ tham gia liên kết trả lời đồng ý và rất đồng ý với nhận định trên, còn nhóm hộ không tham gia liên kết chỉ có 18% hộ đồng ý. Tuy nhiên, những hộ đã tham gia và không tham gia liên kết đều cảm thấy bình thường trong việc tham gia vào HTX có thể giúp họ giảm chi phí trong quá trình sản xuất. (Hình 2)

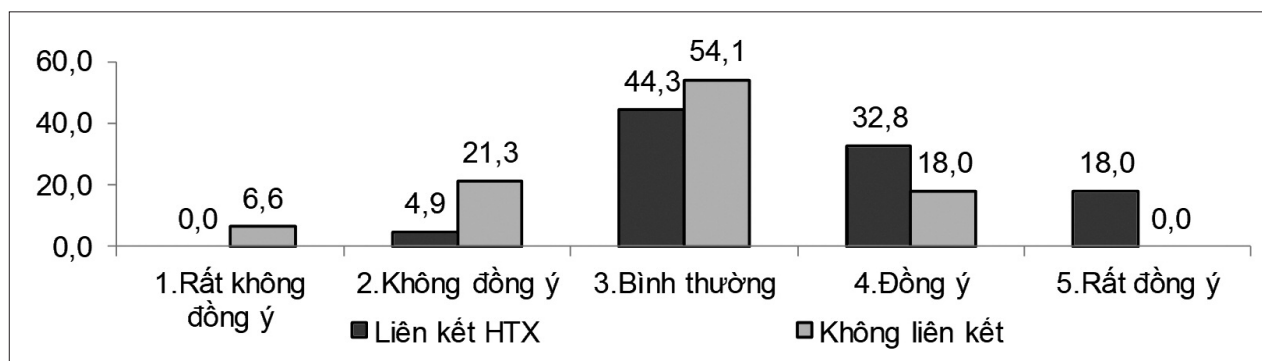
Đối với nhận định tham gia liên kết rườm rà, phức tạp thì nhóm hộ đã tham gia không đồng ý với nhận định này chiếm 34,4% và có 31,1% số hộ cảm thấy rất không đồng ý. Về phía nhóm hộ không tham gia cảm thấy bình thường với nhận định này chiếm tỷ lệ 49,2%, số hộ đồng ý chiếm 31,1% và rất đồng ý chiếm 6,6%. Qua đó cho thấy đây là điều gây trở ngại cho họ trong việc tham gia vào liên kết. (Hình 3)

Hình 1: Nhận định của 2 nhóm hộ về “liên kết giúp giá bán được ổn định”



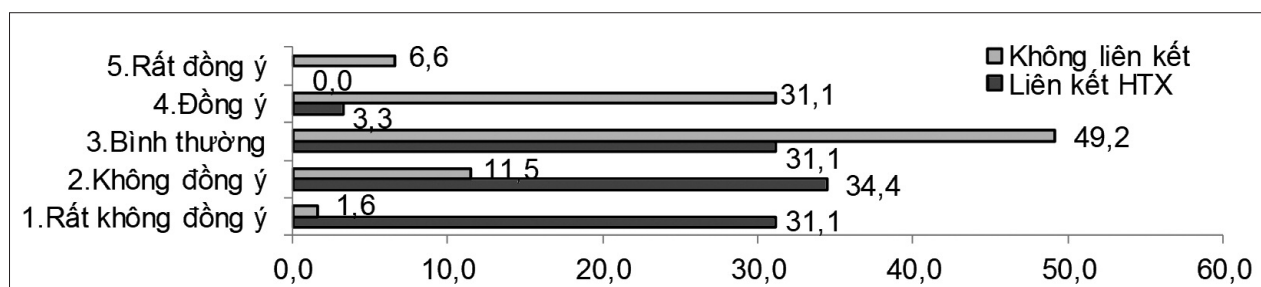
Nguồn: Điều tra nông hộ, tháng 02/2023

Hình 2: Nhận định của 2 nhóm hộ về “liên kết giúp giảm chi phí sản xuất”



Nguồn: Điều tra nông hộ, tháng 02/2023

Hình 3: Nhận định của 2 nhóm hộ về “liên kết hiện nay là rườm rà, phức tạp”



Nguồn: Điều tra nông hộ, tháng 02/2023

Khi được hỏi về tham gia liên kết lâu dài sẽ không hiệu quả thì nông hộ chưa tham gia liên kết cảm thấy đồng ý với nhận định này chiếm tỉ lệ lên tới 54,1% và số hộ cảm thấy bình thường chiếm 31,1%. Trong khi đó, nhóm nông hộ đã tham gia liên kết đánh giá nhận định này ở mức bình thường chiếm 32,8%, đồng ý chiếm 24,6%. Như vậy, có thể thấy những hộ nông dân chưa tham gia liên kết cảm thấy việc tham gia sẽ không có hiệu quả lâu dài nên không tham gia. Nhóm nông hộ tham gia liên kết coi hiệu quả lâu dài của việc tham gia liên kết ở mức trung bình, điều này cho thấy việc tham gia liên kết chưa thực sự mang lại hiệu quả lâu dài trong suy nghĩ của nông hộ. (Hình 4)

3.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia liên kết HTX

Kết quả hồi quy cho thấy biến X_1 , X_3 có mức ý nghĩa Sig. > 0,1 là không có ý nghĩa về mặt thống kê hay nói cách khác là quyết định tham gia liên kết trong sản xuất măng tây của đồng bào Chăm trên địa bàn không phụ thuộc vào tuổi, kinh nghiệm của họ. Trong khi đó, các biến X_2 (giới tính), X_4

(Diện tích), X_5 (Tỷ trọng thu nhập), X_6 (Giá tăng sản lượng tiêu thụ), X_7 (Giá bán ổn định), X_8 (Giảm chi phí sản xuất), X_9 (Thành kiến về liên kết HTX) có mức ý nghĩa Sig. < 0,1 thể hiện các biến này có ý nghĩa thống kê hay có mối liên hệ đến quyết định tham gia liên kết với HTX trong sản xuất măng tây. (Bảng 1)

Từ bảng kết quả phân tích hồi quy Logistic, ta viết được phương trình như sau:

$$\begin{aligned} \ln(\text{Odds}) = & -9,468 + 0,011 \cdot X_1 + 1,580 \cdot X_2 \\ & + 0,071 \cdot X_3 + 0,359 \cdot X_4 + 0,046 \cdot X_5 + 0,903 \cdot X_6 \\ & + 1,150 \cdot X_7 + 1,123 \cdot X_8 - 2,671 \cdot X_9 \end{aligned}$$

Dựa vào số liệu giá trị trung bình thế vào phương trình tính $\ln(\text{Odds})$

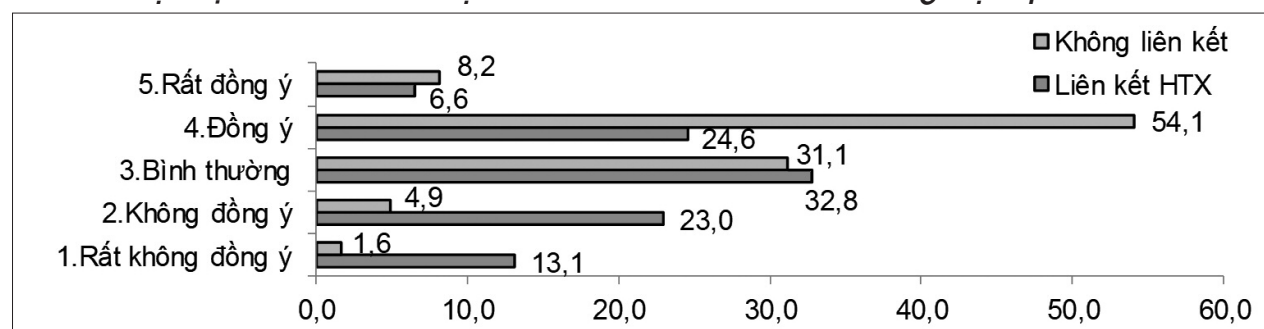
$$\begin{aligned} \ln(\text{Odds}) = & -9,468 + 0,011 \cdot 46,78 \\ & + 1,580 \cdot 0,47 + 0,071 \cdot 5,55 + 0,359 \cdot 2,91 \\ & + 0,046 \cdot 73,32 + 0,903 \cdot 3,48 + 1,150 \cdot 3,93 \\ & + 1,123 \cdot 3,25 - 2,671 \cdot 2,72 = 0,647 \end{aligned}$$

$$e^{\ln(\text{odds})} = 1,91$$

$$E\left(\frac{Y}{X}\right) = \frac{e^{\ln(\text{Odds})}}{1 + e^{\ln(\text{odds})}} = \frac{1,91}{1 + 1,91} = 0,656$$

Kết luận: Mô hình cho biết khả năng các nông

Hình 4: Nhận định của 2 nhóm hộ về “liên kết về lâu dài sẽ không hiệu quả”



Nguồn: Điều tra nông hộ, tháng 02/2023

Bảng 1. Kết xuất mô hình quyết định tham gia liên kết

Biến	Hệ số B	Sai số chuẩn	Mức ý nghĩa Sig.	e ^B
X ₁ (Tuổi)	0,011	0,041	0,797	1,011
X ₂ (Giới tính)	1,580*	0,781	0,043	4,853
X ₃ (Kinh nghiệm)	0,071	0,098	0,473	1,073
X ₄ (Diện tích)	0,359**	0,154	0,020	1,432
X ₅ (Tỷ trọng thu nhập)	0,046**	0,019	0,014	1,048
X ₆ (Giá tăng sản lượng tiêu thụ)	0,903*	0,503	0,073	2,466
X ₇ (Giá ổn định)	1,150**	0,526	0,029	3,158
X ₈ (Giảm chi phí sản xuất)	1,123**	0,483	0,020	3,074
X ₉ (Thành kiến về liên kết HTX)	-2,671***	0,626	0,000	0,069
Hằng số	-9,468	3,311	0,004	0,000

Ghi chú: *, **, *** tương ứng có ý nghĩa thống kê ở mức độ tin cậy 90%, 95%, 99%
Nguồn: Kết xuất SPSS

hộ đồng bào Chăm tham gia liên kết HTX trong sản xuất măng tây là 65,6%. (Bảng 2)

Biến giới tính: Nếu xác suất chấp nhận ban đầu của người sản xuất măng tây là 65,6%, khi các yếu tố khác không đổi, nếu người sản xuất măng tây là nam giới thì xác suất chấp nhận là 90,2% (tăng 24,6%).

Biến diện tích: Nếu xác suất chấp nhận ban đầu của người sản xuất măng tây là 65,6%, khi các yếu tố khác không đổi, nếu người sản xuất măng tây có diện tích tăng thêm 1000m² thì xác suất chấp nhận là 73,2% (tăng 7,6%).

Biến tỷ trọng thu nhập: Nếu xác suất chấp nhận ban đầu của người sản xuất măng tây là 65,6%, khi

các yếu tố khác không đổi, nếu người sản xuất măng tây có tỷ trọng thu nhập từ sản xuất măng tây trong tổng thu nhập tăng thêm 1% thì xác suất chấp nhận là 66,9% (tăng 1%).

Biến nhận định liên kết làm gia tăng sản lượng tiêu thụ: Nếu xác suất chấp nhận ban đầu của người sản xuất măng tây là 65,6%, khi các yếu tố khác không đổi, nếu người sản xuất măng tây nhận định việc tham gia liên kết HTX giúp gia tăng sản lượng tiêu thụ thì xác suất chấp nhận là 82,5% (tăng 16,9).

Biến nhận định liên kết có giá bán măng tây ổn định: Nếu xác suất chấp nhận ban đầu của người sản xuất măng tây là 65,6%, khi các yếu tố khác không đổi, nếu người sản xuất măng tây nhận định

Bảng 2. Tác động của các biến đến quyết định tham gia liên kết

Ký hiệu biến	Hệ số B	e ^B	Xác suất ban đầu (P0)	Xác suất chuyển đổi (Pi)	ΔP = Pi - P0
X ₂	1,580	4,853	0,656	0,902	0,246
X ₄	0,359	1,432	0,656	0,732	0,076
X ₅	0,046	1,048	0,656	0,667	0,011
X ₆	0,903	2,466	0,656	0,825	0,169
X ₇	1,150	3,158	0,656	0,858	0,202
X ₈	1,123	3,074	0,656	0,854	0,198
X ₉	-2,671	0,069	0,656	0,116	-0,540

Nguồn: Kết xuất SPSS

việc tham gia liên kết HTX có giá bán ổn định thì xác suất chấp nhận là 85,8% (tăng 20,2%).

Biến nhận định liên kết làm giảm chi phí sản xuất: Nếu xác suất chấp nhận ban đầu của người sản xuất măng tây là 65,6%, khi các yếu tố khác không đổi, nếu người sản xuất măng tây nhận định việc tham gia liên kết HTX giúp làm giảm chi phí sản xuất thì xác suất chấp nhận tham gia HTX là 85,4% (tăng 19,8%).

Biến nhận định tham gia liên kết HTX là rườm rà phức tạp: Nếu xác suất chấp nhận ban đầu của người sản xuất măng tây là 65,6%, khi các yếu tố khác không đổi, nếu người sản xuất măng tây nhận định việc tham gia liên kết HTX là rườm rà phức tạp thì xác suất chấp nhận tham gia HTX là 11,6% (giảm 54%).

4. Kết luận

Thực trạng trong sản xuất măng tây của đồng bào Chăm tại huyện Ninh Phước cho thấy phần lớn các nông hộ có quy mô canh tác nhỏ. Đối với nhóm hộ tham gia liên kết thì phần lớn đều tham gia sản xuất theo tiêu chuẩn (VietGap là 86,9%, hữu cơ là 6,6%). Năng suất trung bình trên 1000m² ở nhóm liên kết (2.084 kg) thấp hơn so với nhóm không liên kết (2334 kg). Tuy nhiên, giá bán ở nhóm liên kết (45.738 đồng/kg) lại cao hơn nhóm không liên kết (37.230 đồng/kg). Trong khi đó, chi phí ở nhóm liên kết lại thấp hơn so với nhóm không liên kết dẫn đến

đến doanh thu, lợi nhuận, thu nhập ở nhóm liên kết cao hơn so với nhóm không liên kết.

Nhận thức của đồng bào Chăm về liên kết trong sản xuất măng tây thì nhóm tham gia liên kết có sự đồng tình về lợi ích khi liên kết chiếm cao hơn so với nhóm không tham gia liên kết (giá bán được ổn định, giảm chi phí sản xuất). Trong khi đó, các hộ chưa tham gia liên kết đa phần nhận định tham gia liên kết là rườm rà, phức tạp (37,6%) và tham gia liên kết lâu dài sẽ không hiệu quả (62,3%).

Kết quả mô hình hồi quy binary logistic cho thấy quyết định tham gia liên kết HTX trong sản xuất măng tây của đồng bào Chăm trên địa bàn không phụ thuộc vào tuổi, kinh nghiệm của họ mà phụ thuộc vào giới tính, diện tích, tỷ trọng thu nhập, giá tăng sản lượng tiêu thụ, giá bán ổn định, giảm chi phí sản xuất, thành kiến về liên kết HTX. Trong các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định tham gia liên kết hợp tác xã trong sản xuất măng tây của đồng bào Chăm thì thành kiến về liên kết trong HTX có tác động mạnh nhất. Do đó, chính quyền địa phương cần tạo điều kiện và hỗ trợ các HTX tuyên truyền về lợi ích và phổ biến những quy định trong việc tham gia liên kết. Các HTX cần tăng cường việc tìm kiếm thị trường đầu ra, đầu vào, tập huấn nông dân. Đồng thời, khuyến khích người dân tham gia HTX để nâng cao mức thu nhập, tiếp cận thông tin nhanh và chính xác hơn ■

Lời cảm ơn:

Nghiên cứu này là một phần của đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở mã số CS-SV23-KT-04 được cấp kinh phí bởi Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bùi Xuân Nhã, Phạm Thu Phương, Mai Đình Quý và Lê Na, (2020). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tham gia liên kết của các hộ trồng chè ở tỉnh Lâm Đồng. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp, 3, 131-136.
2. Dương Thị Thu Hoài và Kiều Thị Thu Hương, Cù Ngọc Bắc, Vũ Thị Hải Anh và Nguyễn Thị Hiền Thương, (2019). Một số giải pháp phát triển mô hình măng tây tại tỉnh Thái Nguyên. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, 196(3), 37-44.
3. Phạm Thị Thuyền, Đặng Đức Huy, Đặng Lê Hoa, Phạm Thị Nhiên và Lê Vũ, (2020). Quyết định tham gia hợp đồng liên kết trong sản xuất lúa của nông hộ tại tỉnh An Giang. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 56(4D), 256-265.

4. Trung tâm Kkhuyến nông tỉnh Ninh Thuận (2022). Ninh Thuận: Nhân rộng kỹ thuật sản xuất măng tây xanh theo hướng hữu cơ. Truy cập tại <https://khuyennongvn.gov.vn/hoat-dong-khuyen-nong/thong-tin-huan-luyen/ninh-thuan-nhan-rong-ky-thuat-san-xuat-mang-tay-xanh-theo-huong-huu-co-22282.html>
5. Tabachnick, B. G., & Fidell, L. S. (2007). Using multivariate statistics (5th ed.). Boston, MA: Allyn & Bacon.

Ngày nhận bài: 17/3/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 2/4/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 20/4/2024

Thông tin tác giả:

1. NGUYỄN NHƯ ĐẠT*

2. TRẦN THỊ THỦY

3. PHẠM TRẦN HOÀNG YẾN

4. NGUYỄN VĂN CƯỜNG

Khoa Kinh tế, Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh

ANALYZING FACTORS AFFECTING THE DECISION OF CHAM PEOPLE TO JOIN ASPARAGUS PRODUCTION COOPERATIVES IN NINH PHUOC DISTRICT, NINH THUAN PROVINCE

● NGUYEN NHU DAT¹

● TRAN THI THUY¹

● PHAM TRAN HOANG YEN¹

● NGUYEN VAN CUONG¹

¹Faculty of Economics, Nonglam University

ABSTRACT:

This study analyzed the factors influencing the decision of Cham people to join asparagus production cooperatives in Ninh Phuoc district, Ninh Thuan province. Descriptive statistics and binary logistic regression models were used to analyze the data collected from 122 farmers. The study's results showed that variables such as gender, production area, proportion of income from asparagus farming, awareness of the benefits of increasing consumption, selling prices, and production cost reduction have a positive impact on the decision of Cham people to take part in cooperatives. However, biased perceptions about cooperative linkages have a negative impact on the decision to join cooperatives.

Keywords: asparagus, Cham ethnicity, cooperation between cooperatives, Binary logit.